TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Bản án số:12/2020/DS-ST Ngày:15-5-2020 V/v: Tranh chấp quyền đòi lại tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà L Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1949. Địa chỉ: số 166/8/1 (số cũ 6/37) khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 120 đường ĐX 115, Khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 166/16 (số cũ 31/36), khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2014, ông Nguyễn Anh T có tham gia chơi hụi với bà Trần Thị L. Sau đó, giữa ông T và bà L đã chốt số tiền hụi bằng giấy nhận nợ với số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm

trăm nghìn đồng). Tại giấy nhận nợ ông T cam kết sẽ trả khi đủ khả năng. Đến nay bà L nhận thấy ông T có đủ điều kiện trả nợ nhưng dẫn cố tình không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số nợ 94.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả buổi hòa giải, xét xử của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông T theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Anh T có chơi hụi của bà Trần Thị L, sau đó ông T và L tiến hành chốt nợ bằng giấy nhận nợ với số tiền 94.500.000 đồng, do ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T thanh toán số tiền 94.500.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền đòi tài sản" theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[1.2] Về sự tham gia của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Anh T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện "Trước đây tôi có tham gia chơi hụi với bà Trần Thị L …. Tôi còn nợ bà Trần Thị L số tiền mặt là 94.500.000 đồng…" trong giấy nhận nợ này có chữ ký tên Nguyễn Anh T. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải, cũng như ông T trình bày ý kiến nhưng ông T không có mặt và cũng không có ý kiến phản đối việc khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 94.500.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Anh T.

Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 94.500.000đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận tương đương mức án phí là 4.725.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc tranh chấp quyền đòi tài sản với bị đơn ông Nguyễn Anh T.

Buộc ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí là 4.725.000đồng (bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo